

BẢN TRÍCH YẾU LUẬN ÁN

Tên luận án: Các yếu tố liên quan đẻ khó trên chó và phương pháp điều trị

Tên tác giả: Nguyễn Vũ Thụy Hồng Loan

Chuyên ngành: Bệnh lý học và chữa bệnh vật nuôi. Mã số: 9. 64. 01. 02

Nội dung bản trích yếu

Mục tiêu và đối tượng nghiên cứu của luận án: Ứng dụng máy đo co cơ tử cung để xác định đẻ khó. Xác định được một số yếu tố liên quan đến đẻ khó trên chó và phương pháp điều trị hiệu quả. Áp dụng hệ thống đánh giá Apgar trên chó sơ sinh được khảo sát tại các phòng khám và các bố trí thí nghiệm trong điều trị đẻ khó.

Các phương pháp sử dụng chủ yếu trong nghiên cứu: Hiệu chỉnh máy đo co cơ tử cung tự chế với máy đo trên người. Khảo sát và ghi nhận kết quả điều trị.

Các kết quả chính: Hiệu chỉnh và ứng dụng máy đo co cơ tử cung trong chẩn đoán đẻ khó. Cường độ và biên độ co cơ tử cung trên chó đẻ tự nhiên cao hơn trên chó đẻ khó. Giống Chihuahua có tỷ lệ đẻ khó cao nhất (41,7%) so với các giống khảo sát khác ($P < 0,001$). Chó > 4 tuổi và chó đẻ lứa > 4 có tỷ lệ đẻ khó cao nhất chiếm tỷ lệ lần lượt là 62,6% và 63,0%. Dấu hiệu chuyển dạ chiếm tỷ lệ cao nhất là rặn yếu chiếm 75,41%, kế đến là lòi ối, thai kẹt âm đạo chiếm 24,58%, những dấu hiệu còn lại chiếm tỷ lệ thấp hơn. Trong số các ca chuyển dạ được khảo sát, ở nhóm đẻ tự nhiên tỷ lệ chó tiết ít sữa chiếm 6,94% thấp hơn so với nhóm đẻ khó chiếm tỷ lệ là 49,38%. Sữa tiết nhiều ở nhóm đẻ tự nhiên chiếm tỷ lệ 77,78% cao hơn so với nhóm đẻ khó là 46,07% với $P < 0,001$. Chó mẹ đẻ khó chảy nhiều chất nhầy có màu xanh khi khám lâm sàng chiếm tỷ lệ 50,41% khác biệt so với nhóm đẻ tự nhiên là 8,33%. Dịch màu trắng trên chó đẻ tự nhiên (52,78%) chiếm tỷ lệ cao hơn trên chó đẻ khó (17,77%) với $P < 0,001$. Kết quả nghiên cứu cho thấy, trên nhóm chó đẻ khó tỷ lệ cổ tử cung mở không hoàn toàn cao hơn so với nhóm chó đẻ tự nhiên (80,58% và 30,56% với $P < 0,001$). Ở nhóm chó đẻ khó chó mẹ không nhìn thấy thai/bọc thai chiếm tỷ lệ 20,25% thấp hơn so với nhóm chó đẻ tự nhiên là 40,28%. Chó mẹ xuất hiện thai / bọc thai trên nhóm chó đẻ khó chiếm tỷ lệ

79,75% cao hơn trên nhóm chó đẻ tự nhiên là 59,72% với $P < 0,001$. Vào thời điểm chuẩn bị đẻ, chó mẹ đẻ khó có khuynh hướng hưng dữ hơn bình thường cho phép dự báo được những ca đẻ khó. Hàm lượng progesterone, calcium, protein và số lượng hồng cầu trong máu trên nhóm chó đẻ khó khác biệt có ý nghĩa so với chó đẻ tự nhiên lần lượt là $1,99 \pm 0,73$ ng/ml, $8,31 \pm 1,09$ mmol/L, $5,95 \pm 1,35$ g/100 mL, $4,21 \pm 1,24$ triệu/mm³. Chó đẻ khó trở nên hưng dữ chiếm tỷ lệ cao hơn so với đẻ tự nhiên (14,88% và 4,17%), $P < 0,01$. Tỷ lệ đường kính lưỡng đỉnh thai/chiều ngang khung xương chậu $> 0,95$ là yếu tố liên quan đến nguy cơ đẻ khó. Biện pháp phẫu thuật áp dụng phổ biến (86,57%) tại các phòng khám. Tỷ lệ thành công trong bố trí thí nghiệm điều trị các trường hợp giảm co cơ tử cung đạt hiệu quả cao nhất ở lô sử dụng oxytocin + calcium gluconate 10% (75%), $P < 0,01$.

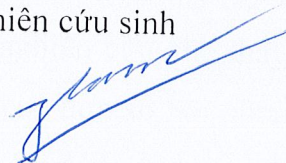
Kết luận: Chế tạo thành công máy đo co cơ tử cung trong chẩn đoán đẻ khó, cường độ co cơ tử cung trên chó đẻ tự nhiên dao động từ $19,26 \pm 1,29$ mmHg cao hơn trên chó đẻ khó là $15,08 \pm 2,88$ mmHg. Biên độ co cơ tử cung trung bình của chó đẻ tự nhiên là $12,54 \pm 2,39$ mmHg cao hơn trên chó đẻ khó là $9,94 \pm 3,07$ mmHg. Một số yếu tố như co cơ tử cung, tuổi, lứa đẻ, thời gian mang thai, hàm lượng progesterone, calcium, glucose, protein, số lượng hồng cầu; tình trạng thai, thai dị tật, thai chết, đường kính lưỡng đỉnh thai/chiều ngang khung xương chậu $> 0,95$ là những nguyên nhân liên quan đến nguy cơ đẻ khó. Bố trí thí nghiệm khi sử dụng các loại thuốc tỷ lệ thành công cao nhất ở lô oxytocin + can-xi gluconate 10% là 75%. Tỷ lệ thai chết ở nhóm chó sơ sinh được can thiệp thành công là 7,4%, thấp hơn so với nhóm không thành công là 27,6%. Trên chó đẻ khó, mức co cơ tử cung ảnh hưởng điểm Apgar của chó sơ sinh.

Giáo viên hướng dẫn



PGS. TS. Võ Tấn Đại

Nghiên cứu sinh



Nguyễn Vũ Thuy Hồng Loan